

Bản án số: 196/2020/HS-ST

Ngày 28-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Duy Hải;
2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 184/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1993 tại: Cà Mau; thường trú: Ấp Hợp tác xã Đồng Tiến, xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; tạm trú: 235/1, khu phố Thạnh Hòa B, phường A, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Út L, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 21/5/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Ngày 17/01/2020, Nguyễn Văn D chấp hành xong án phạt tù.

Nhân thân:

- Ngày 05/12/2011, bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa vào Trung tâm giáo dục nghề Thanh thiếu niên 2 - Sở lao động thương

binh và xã hội tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để cai nghiện ma túy bắt buộc với thời gian 24 tháng.

- Ngày 09/3/2015, bị Tòa án nhân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng tại cơ sở cai nghiện ma túy Phú Đức - Sở lao động thương binh và xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 20/12/2016 chấp hành xong.

Ngày 29/02/2020, bị bắt quả tang về hành vi lưu hành tiền giả, sau đó bị cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bình Dương khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bị tạm giữ, tạm giam đến nay; có mặt.

2. Võ Như T, sinh năm 1997 tại: Cà Mau; thường trú: Ấp Bào Vững, xã Tân Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau; tạm trú: 235/1, khu phố Thạnh Hòa B, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm tóc; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Trung, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; chồng tên Đoàn Văn H, sinh năm 1985 (không đăng ký kết hôn); có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 29/02/2020, bị bắt quả tang về hành vi lưu hành tiền giả. Bị tạm giữ từ ngày 01/3/2020 đến ngày 10/3/2020 được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ. Ngày 09/4/2020, cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bình Dương khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Như T*: Ông Nguyễn Chí L - Luật sư Văn phòng Luật sư Linh Nguyễn thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: F6/26N, Quách Điêu, ấp 6B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Bị hại*:

1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1966; thường trú: Xã Phú Lộc, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Số 244/3A, Khu 5, Tổ 7, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1985; thường trú: Số 18, tổ 1, khu phố Khánh Hội, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1991; thường trú: Thôn Hải Bắc, xã Diên Bích, huyện D, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Số 5/3, khu phố Bình Quới B, phường B, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Ông Phùng Văn C, sinh năm 1994; thường trú: Phường Chánh Phú Hòa, thị xã B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số 60 đường Phú Lợi, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; có mặt

2. Ông Võ Út Đ, sinh năm 1990; có mặt

Cùng thường trú: Ấp Cái Rô, xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Người làm chứng:* Ông Đoàn Minh N, sinh năm 1996, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D và Võ Như T sống chung với nhau như vợ chồng.

Khoảng tháng 2/2020, D kết bạn trên facebook với đối tượng tên “Đ” và biết được Đ có nguồn tiền giả nên D thỏa thuận với Đ đổi tiền giả theo tỷ lệ 1:5 (1.000.000 đồng tiền thật đổi được 5.000.000 đồng tiền giả) và Đ đồng ý. Số tiền D cần đổi là 2.000.000 đồng tiền thật nhưng Đ chưa có nguồn tiền giả nên Đen đổi 1.000.000 đồng tiền thật cho D trước. D và Đ thỏa thuận địa điểm giao tiền là khu vực ngã tư Hòa Lân, thành phố T, tỉnh Bình Dương. D đồng ý và lấy 500.000 đồng đặt cọc cho Đ. Khoảng 02 ngày sau, một nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) đến giao 5.000.000 đồng tiền giả, mệnh giá 500.000 đồng cho D tại địa điểm Ngã tư Hòa Lân, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tổng số tiền D nhận được là 5.500.000 đồng tiền giả (trong đó có 01 tờ Đ cho D). Sau đó, D cất phía bên hông nhà và không nói cho T biết.

Khoảng 19 giờ ngày 29/02/2020, D rủ T đi ăn tối, T đồng ý. D nói với T là có vài tờ tiền giả, lúc này T nói không sử dụng được đâu nhưng D nói với T để xài thử xem có được hay không. Sau đó, D đem theo bóp tiền bên trong có số tiền 5.500.000 đồng tiền giả và điều khiển xe mô tô mang biển số 69A1- 001.70 chở T đi lưu hành tiền giả cụ thể như sau:

- Lần 1: Tại tiệm súp cua “A” của bà Kiều Thị Tuyết L, D sử dụng tờ tiền giả 500.000 đồng mua đồ ăn nhưng bị bà Lan phát hiện nên D lấy tiền thật ra trả và lấy lại tờ tiền 500.000 đồng.

- Lần 2: Tại tiệm bán gấu bông “P” của ông Phùng Văn C, D sử dụng tờ tiền giả 500.000 đồng để mua gấu bông và được ông C trả lại 420.000 đồng tiền thật.

- Lần 3: Tại tiệm chăn, ga, gối, nệm của bà Hoàng Thị N, D sử dụng tờ tiền giả 500.000 đồng để mua bao gối nhưng bà N nghi ngờ và yêu cầu D trả tiền lẻ thì D trả lại bao gối và chở T bỏ đi.

- Lần 4: Tại tiệm chăn, ga, gối, nệm của bà Nguyễn Thị A, D sử dụng tờ tiền giả 500.000 đồng để mua 02 bao gối với giá 90.000 đồng và được bà A trả lại 410.000 đồng tiền thật.

- Lần 5: Tại tiệm thuốc tây của bà Nguyễn Thị D, D sử dụng tờ tiền giả 500.000 đồng mua 01 viên thuốc giá 50.000 đồng và được bà D trả lại 450.000 đồng tiền thật.

- Lần 6: Tại phòng trọ của ông Võ Út Đ, tại đây T đưa cho bà N 01 gấu bông, 02 bao gối và D đưa T số tiền 2.200.000 đồng trong đó có số tiền

1.280.000 đồng thu lợi bất chính từ việc lưu hành tiền giả. Sau đó, đến tiệm thuốc tây của ông Nguyễn Đức V, D sử dụng tờ tiền giả 500.000 đồng để mua thuốc. Lúc này, trong tiệm thuốc có ông N và ông N nói với ông V kiểm tra lại số tiền 500.000 đồng. Sau khi kiểm tra tiền ông V nghi ngờ tiền giả nên cùng ông N giữ D lại. Khi bị giữ, D giả vờ tri hô “cướp, cướp” và ném bóp ra ngoài cho T. T biết trong bóp của D có tiền giả nên T nhanh chóng lấy giấy tờ tùy thân của D bỏ vào trong túi xách của T và ném bóp của D sang hàng rào nhà bà Phan Thị Ngọc L để che giấu.

Sau khi nhận được tin báo của ông Nguyễn Đức V, Công an phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành đến bắt quả tang D và T thu giữ tang vật gồm:

- 10 tờ tiền polime, mệnh giá 500.000 đồng có cùng số seri QQ 17604879. Theo kết luận giám định số 69, 79 ngày 06/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đề “Ngân hàng nhà nước Việt Nam” có cùng số seri QQ 17604789 là tiền giả bằng phương pháp in màu điện tử.

- Số tiền thật là 4.052.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Kawasaki, biển số 69A-001.70 của Nguyễn Văn D; 03 viên thuốc có màu xanh lá, xanh da trời, xanh đậm.

- 01 ví da màu nâu; 01 điện thoại di động màu xanh đen, nhãn hiệu OPPO của Nguyễn Văn D.

- 02 chứng minh nhân dân số 381720945, 01 giấy phép lái xe hạng A2 (bản photo), 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 035250, 01 giấy phép lái xe hạng A2 số 790170019187 mang tên Nguyễn Văn D.

- 01 túi xách đen; 01 điện thoại di động màu xanh tím, nhãn hiệu OPPO của Võ Như T.

- 01 chứng minh nhân dân số 381886509, 01 giấy phép lái xe hạng A2 số 790170019187, 01 thẻ ATM có dãy số 9704 0508 9536 4773 mang tên Võ Như T.

- Ngày 01/3/2020, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Đức V mỗi người giao nộp 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số seri QQ 17604879.

- Ngày 04/3/2020, ông Phùng Văn C giao nộp 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số seri QQ 17604879.

- Ngày 01/3/2020, bà Nguyễn Thị N giao nộp 02 bao gói hình chữ nhật, 01 con gấu bông.

Sau đó, Công an phường T chuyển toàn bộ hồ sơ cùng vật chứng đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bình Dương để thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận cụ thể như sau: Nguyễn Văn D và Võ Như T không có sự thỏa thuận hay bàn bạc trước khi đi lưu hành tiền giả. Dự

chở T đi cùng nên T biết được D có sử dụng tiền giả để lưu hành. Tại tiệm thuốc Uyên Trang, Thảo đã giúp D ném bóp sang hàng rào nhà bà Phan Thị Ngọc L nhằm che giấu hành vi phạm tội của Nguyễn Văn D.

Cáo trạng số 28/QĐ-VKS-P1 ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Võ Như T về tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Lưu hành tiền giả”; bị cáo Võ Như T phạm tội "Che giấu tội phạm" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 06 (Sáu) năm đến 07 (Bảy) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Như T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị D, ông Phùng Văn C yêu cầu bị cáo D trả lại cho mỗi người 500.000 đồng. Yêu cầu này của bà A, bà D và ông C là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo D phải trả lại cho bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị D và ông Phùng Văn C mỗi người 500.000 đồng, tổng cộng là 1.500.000 đồng; số tiền này được trừ trong tổng số tiền 4.052.000 đồng (trong đó có 1.280.000 đồng tiền thu lợi bất chính và số tiền 857.000 đồng thu giữ của bị cáo D), theo ủy nhiệm chi ngày 11/8/2020. Ông Nguyễn Đức V không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô Kawasaki 69A-001.70, màu xanh - đen, số khung: EX300 ABDA42267, số máy: EX300AEAA1208; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 035250 mang tên Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động OPPO màu xanh đen, số imei 1: 866376040661354 và số imei 866376040661347.

- Tịch thu tiêu hủy: 10 tờ tiền polime giả, có cùng số seri QQ17604879; 01 ví da nâu; 02 bản phô tô chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D; 01 bản phô tô giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Nguyễn Văn D; 02 bao gói hình chữ nhật; 01 con gấu bông; 03 viên thuốc có màu xanh lá, xanh da trời, xanh đậm.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D: 01 giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Nguyễn Văn D; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D và số tiền 637.000 đồng (sau khi khấu trừ tiền trả cho các bị hại, theo ủy nhiệm chi ngày 11/8/2020).

- Trả lại cho bị cáo Võ Như T: 01 túi xách màu đen có chữ Adidas, 01 điện thoại di động OPPO màu xanh tím, số imei 869563049058057, imei 2: 8695630490580040, 01 thẻ ATM có dãy số 9704050895364773 mang tên Võ Như T và số tiền 1.915.000 đồng (theo ủy nhiệm chi ngày 10/8/2020); 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Như T và 01 giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Võ Như T.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Như T trình bày: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, về tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Thảo được hưởng án treo để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật, cải tạo tốt để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và không trình bày lời bào chữa.

Nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn D, Võ Như T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 29/02/2020, Nguyễn Văn D có hành vi sử dụng số tiền 1.500.000 đồng giả, mệnh giá 500.000 đồng để mua hàng hóa của bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị D, ông Phùng Văn C và nhận lại số tiền thật là 1.280.000 đồng. Ngoài ra, D còn sử dụng 01 tờ tiền giả, mệnh giá 500.000 đồng để mua thuốc tại tiệm thuốc Tây của ông Nguyễn Đức V nhưng bị bắt quả tang về hành vi Lưu hành tiền giả. Tổng số tiền D lưu hành là 5.500.000 đồng.

Ngày 29/02/2020, Võ Như T biết D có tiền giả nhưng khi được D rủ đi ăn tối để lưu hành tiền giả thì T đồng ý. D và T không có sự thỏa thuận, trao đổi, bàn bạc trước về việc lưu hành tiền giả nhưng toàn bộ quá trình D lưu hành tiền giả thì Thảo đều đi cùng nên biết được sự việc. Ngoài ra, tại tiệm thuốc Tây của ông Nguyễn Đức V, khi D bị bắt quả tang liền ném bóp của mình cho T. T biết rõ trong bóp của D có tiền giả nên T nhặt bóp của D và ném vào bên trong hàng rào nhà bà Phan Thị Ngọc L để tiêu hủy chứng cứ nhằm mục đích che giấu hành vi phạm tội của D.

Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Võ Như T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chức năng quản lý kinh tế mà cụ thể là những quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tiền tệ. Bị cáo D khi thực hiện hành vi phạm tội có đủ nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo D biết hành vi lưu hành tiền giả là vi phạm pháp luật, gây nguy hại đến an ninh tiền tệ Q gia nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo Võ Như T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo D là vi phạm pháp luật, lẽ ra phải ngăn cản và báo cho các bị hại biết nhưng lại che giấu hành vi phạm tội của D. Do đó, để có tác dụng giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội, đối với các bị cáo cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã thực hiện. Bị cáo Võ Như T thực hiện hành vi che giấu tội phạm trong tình thế bị lệ thuộc vào bị cáo D vì có mối quan hệ như vợ chồng, sự nể nang, sợ tố giác sẽ bị bị cáo D đánh đập nên khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” được quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đồng thời, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Võ Như T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Võ Như T là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo Võ Như T là có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét thấy, bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này thì bản thân bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, có nơi cư trú rõ ràng, việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Đây là điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo Võ Như T ra khỏi xã hội, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo Võ Như T cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian nhất định nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Đức V có đơn đề ngày 25/9/2020 đề nghị xét xử vắng mặt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị D, ông Phùng Văn C yêu cầu bị cáo D phải trả lại cho mỗi người 500.000 đồng và tại phiên tòa bị cáo chấp nhận. Xét, yêu cầu của bà A, bà D, ông C là có căn cứ nên buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải trả cho bà A, bà D, ông C mỗi người 500.000 đồng. Số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền 1.280.000 đồng do bị cáo D thu lợi bất chính và số tiền 857.000 đồng đã thu giữ của bị cáo D (theo ủy nhiệm chi ngày 11/8/2020).

[9] Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 xe mô tô Kawasaki 69A-001.70, màu xanh - đen, số khung: EX300 ABDA42267, số máy: EX300AEAA1208 là phương tiện bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 035250 mang tên Nguyễn Văn D liên quan đến xe mô tô Kawasaki 69A-001.70; 01 điện thoại di động OPPO màu xanh đen, số imei 1: 866376040661 354 và số imei 866376040661347 là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 10 tờ tiền polime giả, có cùng số seri QQ17604879; 01 ví da nâu đề tiền giả; 01 túi xách màu đen có chữ Adidas; 02 bản phô tô chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D; 01 bản phô tô giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Nguyễn Văn D không có giá trị sử dụng; 02 bao gói hình chữ nhật, 01 con gấu bông, 03 viên thuốc có màu xanh lá, xanh da trời, xanh đậm bị cáo có được từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Nguyễn Văn D; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D là giấy tùy thân của bị cáo D và số tiền 637.000 đồng (sau khi khấu trừ tiền trả cho các bị hại, theo ủy nhiệm chi ngày 11/8/2020) là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D.

- Đối với 01 điện thoại di động OPPO màu xanh tím, số imei 869563049058057, imei 2: 8695630490580040, 01 thẻ ATM có dãy số 9704050895364773 mang tên Võ Như T và số tiền 1.915.000 đồng (theo ủy nhiệm chi ngày 10/8/2020) không liên quan đến hành vi phạm tội; 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Như T và 01 giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Võ Như T là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo Võ Như T.

[10] Đối với đối tượng tên Đ là người bán tiền giả cho bị cáo D. Quá trình điều tra, bị cáo D khai “Đ” tên thật là Nguyễn Minh H, sinh năm 1992, HKTT: Tổ 7 khu 9, thị trấn T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Trong khoảng thời gian từ ngày 24/10/2010 đến ngày 24/10/2012 Nguyễn Minh H cai nghiện ma túy tại Trung tâm giáo dục dạy nghề Thanh thiếu niên 2 tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh chung với bị cáo D. Hiện tại, Nguyễn Minh H không có mặt tại địa phương. Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Bình Dương chưa xác định được đối tượng tên “Đen” và Nguyễn Minh H là một người. Do đó tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý sau là có căn cứ.

[11] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị D và Phùng Văn C nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Lưu hành tiền giả”; bị cáo Võ Như T phạm tội “Che giấu tội phạm”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/02/2020.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Xử phạt bị cáo Võ Như T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2020).

Giao bị cáo Võ Như T cho Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị D, ông Phùng Văn C mỗi người 500.000 đồng, tổng cộng 1.500.000 đồng; số tiền này được trừ trong tổng số tiền 4.052.000 đồng (trong đó có 1.280.000 đồng tiền thu lợi bất chính và số tiền 857.000 đồng thu giữ của bị cáo D), theo ủy nhiệm chi ngày 11/8/2020.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô Kawasaki 69A-001.70, màu xanh - đen, số khung: EX300 ABDA42267, số máy: EX300AEAA1208; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 035250 mang tên Nguyễn Văn D; 01 điện thoại di động OPPO màu xanh đen, số imei 1: 866376040661 354 và số imei 866376040661347.

- Tịch thu tiêu hủy: 10 tờ tiền polime giả, có cùng số seri QQ17604879; 01 ví da nâu; 01 túi xách màu đen có chữ Adidas; 02 bản phô tô chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D; 01 bản phô tô giấy phép lái xe hạng A2 mang tên Nguyễn Văn D; 02 bao gói hình chữ nhật, 01 con gấu bông, 03 viên thuốc có màu xanh lá, xanh da trời, xanh đậm.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 giấy phép lái xe hạng A2, số 790170019187 mang tên Nguyễn Văn D; 01 chứng minh nhân dân số 381720945 mang tên Nguyễn Văn D và số tiền 637.000 đồng (sau khi khấu trừ tiền trả cho các bị hại, theo ủy nhiệm chi ngày 11/8/2020).

- Trả lại cho bị cáo Võ Như T: 01 điện thoại di động OPPO màu xanh tím, số imei 869563049058057, imei 2: 8695630490580040, 01 thẻ ATM có dãy số 9704050895364773 mang tên Võ Như T và số tiền 1.915.000 đồng (theo ủy nhiệm chi ngày 10/8/2020); 01 chứng minh nhân dân số 381886509 mang tên Võ Như T và 01 giấy phép lái xe hạng A2, số 791179099196 mang tên Võ Như T.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Võ Như T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- UBND phường Long Hưng, thị xã T, tỉnh An Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thành Hiệp